

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 601/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Trường
2. Ông Phùng Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2022/TB-TLVA ngày 25 tháng 3 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp PT 1, xã ĐP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị T có mặt, anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 18 tháng 3 năm 2022 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2020, chị T về nhà

cha mẹ sinh con thì anh T1 không tới lui thăm chị và con, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 24/9/2020, hiện cháu N đang sống chung với chị. Nay, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T1: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống vào năm 2020, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 22/5/2020. Như vậy, chị T và anh T1 có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ vào các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 là hợp pháp.

[2.1.2] Chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi chị về nhà cha mẹ ruột chị T sống để sinh con, anh T1 ít tới lui thăm nom,

đến tháng 02/2021 thì không còn đến thăm chị và con, từ đó chị T và anh T1 đã sống ly thân nhau cho đến nay. Lời trình bày của chị T là phù hợp với kết quả xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, anh T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh T1 cũng không đến để tham gia hòa giải đoàn tụ và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị T. Xét thấy, chị T và anh T1 không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 24/9/2020, hiện cháu N do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy, trong thời gian chị T và anh T1 sống ly thân, cháu N đã được chị T chăm sóc chu đáo. Anh T1 cũng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt và sự phát triển bình thường của cháu N, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị T là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, anh T1 cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không đặt ra xem xét.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 24/9/2020 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004137 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Huỳnh Trúc